

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 168/2025/DS-PT
Ngày: 15 - 7 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Rên

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Chí Đức

Bà Phạm Thị Thu Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thảo Phương Vy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Minh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5-Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 166/2025/TLPT-DS ngày 26 tháng 5 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2025/DS-ST ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 6-Vĩnh Long) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1954/2025/QĐXXPT-DS ngày 04 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị L, sinh năm 1957

Địa chỉ: ấp T, T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ hiện nay: ấp T, phường B, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1964

Địa chỉ: ấp H, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ hiện nay: ấp B, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1976 và ông Võ Văn R, sinh năm 1967

Địa chỉ: ấp T, T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ hiện nay: ấp T, phường B, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

+ Bà Đinh Thị Bé M, sinh năm 1972; Nơi cư trú: F, tổ F, khu phố D, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre;

Địa chỉ liên lạc: 105D, ấp B, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ liên lạc hiện nay: A, ấp B, phường B, tỉnh Vĩnh Long.

+ Và/hoặc ông Phạm Văn H1, sinh năm 1975; Nơi cư trú: 351, ấp C, xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre;

Địa chỉ liên lạc: 105D, ấp B, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ liên lạc hiện nay: A, ấp B, phường B, tỉnh Vĩnh Long.

3. Người làm chứng do nguyên đơn mời:

+ Bà Võ Thị Đ, sinh năm 1962

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ hiện nay: ấp T, phường B, tỉnh Vĩnh Long.

(Ông N và bà M có mặt, ông H1 vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Võ Thị L; Bị đơn bà Nguyễn Thị H, ông Võ Văn R.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm;

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/6//2024 của bà Võ Thị L cũng như trong suốt quá trình tố tụng ông Nguyễn Văn N trình bày:

Ngày 25/12/2019 (al) nhằm ngày 19/01/2020 (dl) bà L có cho vợ chồng bà H, ông R vay số tiền 585.000.000 đồng, thỏa thuận thời gian trả là 02 năm, lãi suất 2%/tháng, mục đích vay tiền là để mua đất. Tuy nhiên, từ khi vay tiền đến nay thì ông R và bà H không đóng lãi và trả tiền vốn, mặc dù bà L đã nhiều lần yêu cầu. Nay bà L yêu cầu bà H và ông R liên đới trả cho bà L số tiền vay là 585.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 0.83%/tháng tính từ ngày 19/01/2020 đến ngày 19/5/2024 (52 tháng) với số tiền là 252.486.000 đồng.

Trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà Đinh Thị Bé M trình bày:

Bị đơn không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì bà H và ông R không có vay tiền của bà L, bà H cũng không có nhận tiền từ bà L. Bà H và ông R là vợ

chồng hợp pháp có đăng ký kết hôn, sống chung nhà. Biên nhận mượn tiền ngày 25/12/2019 bà H ký nhưng không biết nội dung vì sợ bà L chửi nên bà H mới ký. Bà L cùng 04 người thanh niên đến nhà buộc con của ông R là cháu Võ Thị Mộng C viết biên nhận mượn tiền và bà H ký tên với tư cách là người giám hộ, lúc đó không có ông R ở nhà. Do bà L đi cùng một số thanh niên nên bà H mới sợ mà ký tên nhưng không có vay tiền và nhận tiền như nguyên đơn trình bày.

Người làm chứng do nguyên đơn mời là bà Võ Thị Ngọc Á trình bày: Bà Á và bà L là chị em ruột, khoảng đầu năm 2019 bà L có hỏi bà vay số tiền 585.000.000 đồng cho vợ chồng bà H và ông R. Sau đó, bà Á cần tiền làm ăn nên mới yêu cầu bà L trả lại tiền cho bà Á. Sau đó, được sự đồng ý của bà H và ông R thì bà L hỏi vay tiền của bà Đ để trả số tiền trên cho bà.

Người làm chứng do nguyên đơn mời là bà Võ Thị Đ trình bày: Bà và bà L là chị em ruột, khoảng tháng 12 năm 2019 bà L có hỏi bà vay số tiền 585.000.000 đồng để trả cho bà Á (tiền bà L đưa cho vợ chồng bà H và ông R vay). Do chị em trong nhà, bà L nói vợ chồng bà H rất uy tín nên bà mới cho mượn. Số tiền nói trên bà cho bà L vay nên bà L có nghĩa vụ trả cho bà, bà không có yêu cầu gì đối với bà H và ông R, cũng không có yêu cầu giải quyết vấn đề gì trong vụ án này.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc đã đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2025/DS-ST ngày 14 tháng 4 năm 2025, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc đã tuyên:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị L, cụ thể tuyên:

1. Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Võ Văn R có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Võ Thị L số tiền vay còn thiếu là 585.000.000 đồng.
2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị L về việc yêu cầu ông Võ Văn R và bà Nguyễn Thị H liên đới trả số tiền lãi là 252.486.000 đồng
3. Về chi phí tố tụng: Chi phí giám định là 3.052.000 đồng bà Võ Thị L có nghĩa vụ chịu.

Buộc bà Võ Thị L có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Võ Văn R và bà Nguyễn Thị H số tiền 3.052.000 đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 27.400.000 đồng bà Nguyễn Thị H và ông Võ Văn R có nghĩa vụ liên đới nộp.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Võ Thị L được miễn.

Ngoài ra, Tòa án sơ thẩm còn tuyên về quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 24/4/2025, bị đơn ông Võ Văn R, bà Nguyễn Thị H kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 28/4/2025 bà L kháng cáo yêu cầu Tòa án sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc bị đơn phải trả tiền lãi cho bà L với mức lãi suất 0,83% tính từ ngày 25/12/2019 đến nay.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà L xác định bà L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo, không đồng ý với kháng cáo của bị đơn bà H, ông R. Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn xác định bị đơn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo; Khẳng định lại các ý kiến đã trình bày tại phiên tòa sơ thẩm cho rằng không có vay tiền của nguyên đơn, không có nhận tiền từ nguyên đơn, việc bà Nguyễn Thị H ký tên vào biên nhận mượn tiền ngày 25 tháng chạp năm 2019 là do bị áp lực, mắng chửi của bà L. Các đương sự không thoả thuận được nội dung giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà L, bị đơn bà H, ông R, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2025/DS-ST ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của nguyên đơn bà Võ Thị L, bị đơn ông Võ Văn R và bà Nguyễn Thị H, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn bà Võ Thị L, bị đơn bà Nguyễn Thị H, ông Võ Văn R kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 07/6/2024 của bà Võ Thị L đối với bà Nguyễn Thị H và ông Võ Văn R thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Xác định bà Võ Thị L là nguyên đơn và bà Nguyễn Thị H và ông Võ Văn R là bị đơn. Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc. Bà Nguyễn Thị H và ông Võ Văn R có nơi cư trú tại xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc thụ lý đúng thẩm quyền.

[3] Việc vắng mặt ông Phạm Văn H1: Căn cứ vào giấy uỷ quyền đề ngày 08/7/2024 có nội dung “Ông Võ Văn R và bà Nguyễn Thị H cùng uỷ quyền cho bà Đinh Thị Bé M và (hoặc) ông Phạm Văn H1. Trong trường hợp bên nhận uỷ quyền vắng mặt một trong hai người thì người còn lại được toàn quyền quyết định mọi vấn đề”. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự Toà án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Phạm Văn H1.

Về nội dung:

Bà Võ Thị L yêu cầu bà Nguyễn Thị H và ông Võ Văn R liên đới trả cho bà L số tiền vay là 585.000.000 đồng. Bà H và ông R không đồng ý vì cho rằng không có vay tiền của nguyên đơn bà L.

Xét trình bày của đôi bên cũng như kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thời hiệu khởi kiện: Bị đơn đề nghị Toà án áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với biên nhận mượn tiền ngày 25 tháng chạp năm 2019: Căn cứ vào nội dung biên nhận mượn tiền, Hội đồng xét xử xác định đây là hợp đồng vay tài sản không xác định thời hạn nên thời hiệu khởi kiện trong vụ án này được tính từ ngày bà L nộp đơn khởi kiện (ngày 07/6/2024). Do đó, theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015 thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản vẫn còn.

[2] Xét Biên nhận mượn tiền ngày 25 tháng chạp năm 2019 nguyên đơn sử dụng làm căn cứ khởi kiện thấy rằng:

Về chữ ký và chữ viết của ông Võ Văn R ở mục “Người mượn”: Nguyên đơn cho rằng đây là chữ ký và chữ viết của ông R, bị đơn không thừa nhận. Căn cứ vào kết luận giám định số 842/2024/KL-KTHS ngày 23/10/2024 của Phòng K Công an tỉnh B xác định chữ viết ở mục “Người mượn” không phải là chữ viết của ông Võ Văn R, tuy nhiên chữ ký “Rờ” thì không đủ cơ sở để kết luận. Do đó, không có căn cứ để xác định chữ ký “Rờ” ở mục người mượn là của ông Nguyễn Văn R2.

Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất chữ ký và chữ viết ở mục “Người mượn” là chữ ký và chữ viết của bà Nguyễn Thị H nên xác định đây là chứng cứ không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Mặt dù, bị đơn bà H cho rằng bà H sợ bà L chửi và uy hiếp nên mới ký tên, bà H không có vay tiền và nhận tiền của bà L nhưng bị đơn không có tài liệu chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của bị đơn nên lời trình bày của bị đơn là không có căn cứ. Từ đó có cơ sở xác định vào ngày 19/01/2020 bà L có cho bà H vay số tiền 585.000.000 đồng đến nay bà H chưa thanh toán cho bà L nên bà L kiện đòi là hoàn toàn có căn cứ chấp nhận.

[3] Xét về trách nhiệm liên đới của vợ, chồng: Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các Điều 24, 25, 26, khoản 1 Điều 27 và khoản 1 Điều 30 Luật Hôn nhân và Gia đình. Hội đồng xét xử thấy rằng: Ông R2 và bà H là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn, sống chung nhà; đối với khoản nợ phát sinh trên là trong thời kỳ hôn nhân của ông, bà; ông R2, bà H không chứng minh được việc ông bà có quan hệ làm ăn riêng tư; không có đăng ký tài sản riêng. Do đó Toà sơ thẩm buộc ông R2, bà H phải có trách nhiệm liên đới đối với khoản nợ trên là phù hợp.

Từ những phân tích trên, thấy rằng Toà sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà L về việc buộc ông Võ Văn R và bà Nguyễn Thị H liên đới trả cho bà Võ Thị L số tiền vay còn thiếu 585.000.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[4] Về tiền lãi: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Võ Văn R và bà Nguyễn Thị H phải liên đới trả tiền lãi cho nguyên đơn theo lãi suất 0,83%/tháng trên số tiền vay còn thiếu là 585.000.000 đồng tính từ ngày 19/01/2020 đến ngày 19/5/2024 (52 tháng) với số tiền là 252.486.000 đồng, đối với tiền lãi từ ngày 20/5/2024 trở về sau nguyên đơn không yêu cầu tính lãi, bị đơn không đồng ý. Hội đồng xét xử thấy rằng: Nội dung biên nhận mượn tiền không có thỏa thuận thời hạn trả tiền và lãi suất tiền vay; đồng thời trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa nguyên đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của nguyên đơn về việc nguyên đơn và bà H cho vay tiền có thỏa thuận lãi suất và thời gian trả tiền vay. Do đó, yêu cầu tính lãi của nguyên đơn từ thời điểm cho vay tiền đến ngày 19/5/2024 là không có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Từ những phân tích trên thấy rằng; cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, buộc bà H, ông R có trách nhiệm liên đới trả cho bà H số tiền đã vay 585.000.000 đồng, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, buộc bà H, ông R có trách nhiệm liên đới trả cho bà L số tiền lãi của số tiền 585.000.000 đồng với mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ thời điểm cho vay đến ngày 19/5/2024 là có căn cứ.

[5] Bà Võ Thị L, bà Nguyễn Thị H và ông Võ Văn R kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ minh chứng cho kháng cáo của mình là có căn cứ nên không được chấp nhận, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2025/DS-ST ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 6-Vĩnh Long).

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Võ Thị L, bà Nguyễn Thị H, ông Võ Văn R phải nộp án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Võ Thị L

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H, ông Võ Văn R.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2025/DS-ST ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre nay là Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Vĩnh Long.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và điểm khoản 1 Điều 227, 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 429, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 và Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, 30 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị L. Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Võ Văn R có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Võ Thị L số tiền vay còn thiếu là 585.000.000 (Năm trăm tám mươi lăm triệu) đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị L về việc yêu cầu ông Võ Văn R và bà Nguyễn Thị H liên đới trả số tiền lãi là 252.486.000 (Hai trăm năm mươi hai triệu bốn trăm tám mươi sáu nghìn) đồng.

3. Về chi phí tố tụng: Chi phí giám định là 3.052.000 (Ba triệu không trăm năm mươi hai nghìn) đồng bà Võ Thị L có nghĩa vụ chịu. Do ông R, bà H đã tạm ứng số tiền chi phí giám định nên buộc bà Võ Thị L có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Võ Văn R và bà Nguyễn Thị H số tiền chi phí giám định là 3.052.000 (Ba triệu không trăm năm mươi hai nghìn) đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

4.1 Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 27.400.000 (Hai mươi bảy triệu bốn trăm nghìn) đồng bà Nguyễn Thị H và ông Võ Văn R có nghĩa vụ liên đới nộp tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 6-Vĩnh Long.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Võ Thị L được miễn nộp do bà L thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp án phí.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Võ Thị L được miễn nộp số tiền án phí phúc thẩm do bà L thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp án phí.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H, ông Võ Văn R mỗi người có nghĩa vụ nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các Biên lai thu tiền số 0009416, 0009415 cùng ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 6-Vĩnh Long.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND Khu vực 6-Vĩnh Long;
- Phòng THADS Khu vực 6-Vĩnh Long;
- Phòng Giám đốc, Kiểm tra, Thanh tra và Thi hành án TAND tỉnh ;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Nguyễn Thị Rẻn